

Bản án số: 230/2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2017

V/v: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình, xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận

2. Ông Lê Đức Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2017/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/ 2017/ QĐXXST- HNGĐ ngày 19/6/2017 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Phú Quý, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ cư ngụ: Tổ 3, ấp Phú Quý, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Đinh Thị N đề ngày 10/4/2017, tờ tường trình ngày 24/4/2017 của anh Nguyễn Văn H và biên bản hòa giải ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N với anh Nguyễn Văn H yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 1998. Sau đó hai người đi đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc vào ngày 16/12/2002, sau khi cưới nhau vợ

chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường hay cờ bạc ở CaSiNô gây nợ nần, chị N thường xuyên ra trả nợ, mặt dù chị N nhiều lần khuyên năn nhưng anh H không thay đổi và chị N đã có làm đơn khởi kiện ra tòa xin ly hôn với anh H nhưng do anh H van xin nên chị rút đơn lại. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin được ly hôn với anh H;

Anh Nguyễn Văn H thừa nhận là anh có cờ bạc tại CaSiNô nhưng không thua lỗ và nợ nần như chị N trình bày, có khi ăn anh đem tiền về cho chị N. Nay còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N mà anh yêu cầu được đoàn tụ lại.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị N với anh H có với nhau được hai đứa con chung tên Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1999 và Nguyễn Nhựt A, sinh năm 2006 khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi cả hai đứa con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không có ý kiến về việc nuôi con.

Ý kiến của cháu Nguyễn Nhựt A và cháu Mai H có nguyện vọng được sống với chị N

- Về tài sản chung: Chị N trình bày do vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong biên bản hòa giải anh H cũng có ý kiến vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về Nợ chung: Chị N và anh H cùng có ý kiến để vợ chồng tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

Về tố tụng: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Văn H đều có địa chỉ cư trú trên địa bàn thị xã Tân Châu, tỉnh an Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Hôn nhân giữa chị N với anh H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật xem xét và bảo vệ;

Tại phiên tòa anh H vắng mặt không lý do, mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 350/HT, quyển số: 02/02 ngày 16/12/2002. Trong thời gian chung sống theo chị N và anh H thì sống hạnh phúc đến vài năm gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh H thường cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị N phải thường xuyên trả nợ cho anh H, anh H cũng thừa nhận là do anh gây ra nên dẫn đến vợ chồng thường xung đột, việc này thể hiện rõ trong tờ tường trình ngày 24/4/2017 và biên bản hòa giải tại Tòa án mà anh H đã tự thừa nhận. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị N với anh H đã mâu thuẫn nghiêm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị N xin được ly hôn với anh H là có cơ sở được HĐXX chấp nhận.

[2]. Về con chung: Trong thời gian sống chung chị N với anh H có với nhau được hai đứa con chung tên Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1999 và Nguyễn Nhật A, sinh năm 2006. Xét thấy cháu Nguyễn Thị Mai H nay đã trưởng thành nên HĐXX không đặt ra để giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Nhật A thì chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng(hiện cháu nhật A đang sống với chị N) và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng cháu Nhật A cũng muốn được sống với mẹ, sự yêu cầu này của chị N là có cơ sở và phù hợp với thực tế nên được HĐXX chấp nhận nghĩ, nên giao cháu Nhật A cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và công nhận việc chị N nuôi con mà không yêu cầu anh H cấp dưỡng.“ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh H có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”;

[3]. Về tài sản chung: Chị N và anh H cho rằng giữa hai người tự thỏa thuận vì vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết trong bản án này. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về tài sản trong thời kỳ hôn nhân thì vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật;

- Về Nợ chung: Chị N và anh H cho rằng giữa hai người tự thỏa thuận vì vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết trong bản án này. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về nợ trong thời kỳ hôn nhân thì vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4]Về án phí: Chị Đinh Thị N là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012187 ngày 18/4/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị N:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhựt A sinh ngày 18/4/2006 cho chị Đinh Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của chị N mà không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con. “ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh H có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì anh H với chị N vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật;

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng, chị N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012187 ngày 18/4/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị N có quyền kháng cáo. Riêng anh H vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo trong hạn trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- THA thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Minh